

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HC-ST

Ngày: 18-01-2019

*V/v “Khởi kiện Quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương.

2. Ông Sần Quang Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLST-HC ngày 08/10/2018 về việc “*Khởi kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-HC ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Hà Thị C.

Địa chỉ: Tổ 2B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ma Ngọc Mạnh L.
Địa chỉ: Tổ 3B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 29/9/2018). Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ: Số 091, phố V, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tân P1 - C vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H – C vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. (Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2018). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đào Thị M. Địa chỉ: SN 025B, đường K, tổ 19A, phường H, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Chị Hoàng Thị Bích N. Địa chỉ: SN 025B, đường K, tổ 19A, phường H, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Chị Hoàng Thị Vân A. Địa chỉ: SN 025B, đường K, tổ 19A, phường H, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Khoảng năm 1999 gia đình bà C có khai phá được khoảng 5,5 hecta đất tại khu tổ 2B, thị trấn P hiện nay. Đến năm 2000 bà C mua lại của ông bà T, địa chỉ tại tổ 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai khoảng 4,2 hecta, tổng diện tích bà C quản lý sử dụng là 9,7 hecta. Từ năm 1999 đến 2003 bà C có ký hợp đồng giao khoán chăm sóc và bảo vệ rừng với Ban quản lý dự án 327, lâm trường P với tổng diện tích là: 9,7 hecta, lý do bà C ký hợp đồng giao khoán, chăm sóc và bảo vệ rừng là diện tích đất quá rộng nếu không ký hợp đồng với lâm trường sẽ không có cây để trồng, dẫn đến việc bị người Mông khu vực xung quanh vào canh tác lấn chiếm. Tại thời điểm đó nếu ký hợp đồng sẽ được phát cây giống về trồng và được thanh toán tiền công chăm sóc hàng năm. Tại khu vực đó rất nhiều hộ gia đình cũng ký hợp đồng với Ban quản lý dự án 327, lâm trường P để lấy cây giống và tiền công chăm sóc, bảo vệ hàng năm như hộ ông L, bà L1, ông V, ông M.....

Đến cuối năm 2003 khu vực đất của bà C bị cháy rừng, toàn bộ cây trồng chết hết, do thấy không hiệu quả nên Ban quản lý dự án 327, lâm trường P không tiếp tục ký hợp đồng với bà C nữa, trên diện tích đất này bà C trồng hoa ly, hoa hồng để phát triển kinh tế gia đình và một số cây ngăn ngừa để phục vụ sinh hoạt đời sống như ngô, khoai, sắn..., ngoài ra còn trồng xen canh một số cây ăn quả như đào, lê, hồng, chè... Toàn bộ diện tích đất nêu trên của bà C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2005 một phần diện tích đất của bà C bị quy hoạch và dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P. Năm 2012 Ủy ban nhân dân huyện P đã thu hồi một phần đất rừng của gia đình bà C diện tích: 12.701m², trong đó xác định đất ở là: 120,0m², đất trồng cây hàng năm là: 600m², đất trồng cây lâu năm là: 11.981m².

Ngày 08/8/2018 Ủy ban nhân dân huyện P tiếp tục ban hành quyết định số: 876/QĐ – UBND thu hồi của gia đình bà C 18.973,59m², mục đích đất khi thu hồi là: đất rừng sản xuất (vị trí 1). Phần lớn diện tích đất bị thu hồi bà C vẫn trồng hoa ly, hoa hồng và loại hoa màu khác như ngô, khoai sắn từ sau đợt cháy rừng cuối năm 2003.

Việc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất của bà C với mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất là không căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất thực tế là không khách quan, công bằng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Cụ thể:

Trong tổng diện tích đất bị thu hồi nêu trên, đất do bà C quản lý, sử dụng chỉ có khoảng 15.000,0 m², diện tích còn lại 3.500 m² là của bà Đào Thị M quản lý sử dụng từ năm 2003 đến nay, trên diện tích đất bà M quản lý sử dụng có xây dựng các công trình như: nhà ở, công trình phụ trợ, bể nước sinh hoạt, ao, bể chứa nước để phục vụ trồng hoa ly...

Tại quyết định số 948/QĐ – UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường đối với hộ bà Hà Thị C đã xác định diện tích đất trồng hoa ly (cây ngắn ngày) là: 16.900,0m² như vậy có thể thấy phần lớn diện tích đất bị thu hồi đang được sử dụng để trồng cây ngắn ngày.

Căn cứ vào Điều 11, Luật đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; khoản 1 Điều 2 Nghị định số: 01/2017, việc xác định mục đích sử dụng đất thu hồi của bà C của Ủy ban nhân dân huyện P là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Cùng khu vực với đất nhà bà C có các hộ gia đình như bà Dương Thị Thu H1, ông Nguyễn Văn C1, ông Phạm Việt N1, cùng hiện trạng sử dụng đất như của bà C nhưng được xác định là đất hàng năm và đã nhận tiền bồi thường. Như vậy có thể thấy việc xác định mục đích đất khi thu hồi để làm căn cứ bồi thường cho bà C so các hộ gia đình nêu trên là không khách quan, công bằng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà hộ gia đình bà C.

Từ những phân tích trên khẳng định Ủy ban nhân dân huyện P xác định mục đích sử dụng đất khi thu hồi của bà C là đất rừng sản xuất là thiếu khách quan, công bằng và chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy toàn bộ quyết định số: 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của gia đình bà C và ban hành quyết định thu hồi mới với mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm.

Theo bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 để thu hồi đất của hộ bà Hà Thị C là đúng với quy định của Luật đất đai.

Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ bà C là của ông Nguyễn Văn V1 và bà Trần Thị T1 được UBND huyện P cấp đất lâm nghiệp tại Quyết định số 190 ngày 29/11/1995 và sau đó được Lâm trường S ký hợp đồng chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ thuộc nguồn vốn 327/CT tại các hợp đồng sau:

- Hợp đồng khoán số 17/CS ngày 01/01/1996.

- Hợp đồng khoán số 54/CS ngày 01/01/1997 (hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/1997). Sau đó năm 1999 ông Nguyễn Văn V1 và bà Trần Thị T1 chuyên công tác về tỉnh P1 và bà Hà Thị C tiếp quản canh tác sử dụng.

Từ năm 1999 tại khu vực này Ban quản lý dự án 327 Lâm trường P tiếp tục ký hợp đồng khoán bảo vệ, chăm sóc rừng với bà Hà Thị C tại các hợp đồng sau:

- Hợp đồng khoán bảo vệ - chăm sóc rừng phòng hộ thuộc nguồn vốn 327 ngày 01/01/1999.

- Hợp đồng khoán xây dựng cơ bản khâu lâm sinh năm 2000 số 99/HĐ-DA

- Hợp đồng khoán xây dựng cơ bản khâu lâm sinh năm 2001 số 34/HĐ-DA

- Hợp đồng khoán bảo vệ rừng phòng hộ theo trương trình 661 năm 2002 số 181/HĐ-DA.

Sau năm 2002, Nhà nước không tiếp tục ký hợp đồng giao khoán rừng, bà C có nghĩa vụ phải tiếp tục chăm sóc, bảo vệ, phát triển rừng theo hợp đồng đã ký. Nhưng sau đó, bà C tự ý sử dụng đất để trồng hoa ly và trồng cây hàng năm. Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 57 Luật đất đai quy định muốn chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước cho phép. Việc bà C tự ý trồng cây hàng năm là sử dụng đất không đúng mục đích.

Từ nguồn gốc thửa đất trên, UBND huyện đã xác định thu hồi, bồi thường là đất rừng sản xuất cho hộ bà Hà Thị C là đúng quy định.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày thống nhất với nội dung trình bày của người khởi kiện bà Hà Thị C và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy toàn bộ quyết định số: 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất của gia đình bà C và ban hành quyết định thu hồi đất đối với 3500 m² của gia đình bà M với với mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối thoại để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng đối thoại không thành. Vì vậy, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C. Hủy Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hà Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Hà Thị C khởi kiện Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của hộ bà Hà Thị C. Đây là quyết định hành chính được ban hành trong lĩnh vực quản lý về đất đai thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính và được khởi kiện trong thời hiệu quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P

[2.1] Về thẩm quyền ban hành

Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai 2013 quy định UBND cấp huyện có thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất. Vì vậy, UBND thành phố Lào Cai ban hành Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc thu hồi đất của hộ bà Hà Thị C là đúng thẩm quyền theo quy định.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành

Ngày 20/6/2005, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 1485/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Ngày 15/6/2006 và ngày 07/8/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ban hành các Quyết định số 1596/QĐ-UBND và Quyết định số 2095/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Ngày 05/11/2007 và ngày 21/3/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ban hành các Quyết định số 2902/QĐ-UBND và Quyết định số 627/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án xây dựng Chợ văn hóa – Bến xe khách huyện P, tỉnh Lào Cai.

Ngày 25/11/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai đã có văn bản số 298/HĐND-TT chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, trong đó có dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai.

Ngày 31/3/2016, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành quyết định số 874/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện P, trong

danh mục các dự án phải thu hồi đất có dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P, huyện P, tỉnh Lào Cai (Sau đó dự án này được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2017 và năm 2018 của huyện P)

Ngày 03/4/2017, UBND huyện P ban hành Thông báo thu hồi đất số 40/TB-UBND để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P đối với hộ bà Hà Thị C. Thông báo thu hồi đất đã được niêm yết công khai tại UBND thị trấn P và địa điểm sinh hoạt của tổ dân phố số 2A, 2B, 3A, 3B thị trấn P (Biên bản niêm yết công khai 03/4/2017 – Bút lục 63).

Ngày 05/3/2018, Hội đồng bồi thường đã tiến hành kiểm đếm số lượng đất đai, tài sản, hoa màu trên đất của hộ bà Hà Thị C, có sự tham gia kiểm đếm của người được bà C ủy quyền là ông Nguyễn Văn C1 (Biên bản kiểm đếm số lượng đất đai, tài sản, hoa màu ngày 05/3/2018 – Bút lục 66 đến bút lục 69)

Hội đồng bồi thường đã lập phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và niêm yết công khai tại UBND thị trấn P và địa điểm sinh hoạt của tổ dân phố số 2A, 2B, 3A, 3B thị trấn P (Biên bản niêm yết ngày 06/7/2018 – Bút lục 73).

Ngày 17/7/2018, Hội đồng bồi thường đã tiến hành họp để lấy ý kiến trực tiếp vào dự thảo phương án bồi thường để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P.

Ngày 08/8/2018, UBND huyện P ban hành quyết định số 876/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Hà Thị C và quyết định 863/QĐ-UBND về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà C. Hai quyết định này đã được niêm yết công khai tại UBND thị trấn P và địa điểm sinh hoạt của tổ dân phố số 2A, 2B, 3A, 3B thị trấn P (Biên bản niêm yết ngày 08/8/2018 – Bút lục 86, 89).

Như vậy, UBND huyện P ban hành quyết định số 876/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Hà Thị C đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013 về trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đất quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

[2.3] Về nội dung quyết định

[2.3.1] Xác định loại đất thu hồi:

Theo người khởi kiện, nguồn gốc đất của hộ bà Hà Thị C là do gia đình bà tự khai phá từ năm 1999 được 5,5 ha và mua lại của nhà ông bà Ngọc Tài 4,2 ha, tổng diện tích gia đình bà C quản lý sử dụng là 9,7 ha. Từ năm 1999 – 2003 bà C có ký hợp đồng giao khoán chăm sóc và bảo vệ rừng với Ban quản lý dự án 327 với tổng số diện tích 9,7 ha. Đến năm 2003, sau khi cháy rừng, ban quản lý dự án 327 không tiếp tục ký hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng với bà C. Bà tiếp tục sử dụng diện tích đất để trồng hoa ly và một số cây hàng năm.

Theo người bị kiện, nguồn gốc đất của hộ bà Hà Thị C là đất của ông Nguyễn Văn V1 và bà Trần Thị T1, được UBND huyện P cấp đất lâm nghiệp theo Quyết định số 190 ngày 29/11/1995 và sau đó được Lâm trường Sa Pa ký hợp đồng chăm sóc, bảo vệ rừng trong các năm từ 1996, 1997. Năm 1999, ông V1 bà T1 chuyển công tác về Vĩnh Phúc và bà Hà Thị C tiếp quản lại diện tích đất của ông Vụ bà Toàn để sử dụng và đã được Ban quản lý dự án 327 Lâm trường P ký hợp đồng khoán bảo vệ, chăm sóc rừng trong các năm 1999 đến năm 2002. Từ năm 2003, Ban quản lý dự án 327 không tiếp tục ký hợp đồng chăm sóc bảo vệ rừng với gia đình bà C, mà bà C đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất và trồng các loại cây hàng năm.

Theo quy định tại Điều 11, Luật đất đai 2013, việc xác định loại đất được xác định theo một trong các căn cứ sau đây:

“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật đất đai đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP quy định trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật đất đai thì loại đất được xác định như sau:

“Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng;

Trường hợp đang sử dụng, đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất”

UBND huyện P xác định đất bị thu hồi của hộ bà Hà Thị C là loại đất rừng sản xuất căn cứ vào việc diện tích đất này đã có Quyết định cấp đất lâm nghiệp số 190 ngày 29/11/1995 của UBND huyện P cho hộ ông Nguyễn Văn V1; có hợp đồng giao khoán bảo vệ, chăm sóc rừng ký kết với gia đình ông Vụ từ năm 1996 – 1997 và có hợp đồng giao bảo vệ, chăm sóc rừng ký kết với hộ bà C từ năm 1999 đến năm 2002.

Hội đồng xét xử xét thấy, quyết định cấp đất lâm nghiệp số 190 ngày 29/11/1995 là quyết định cấp đất cho hộ ông Nguyễn Văn V1, không phải cấp cho hộ bà Hà Thị C. Hợp đồng giao bảo vệ, chăm sóc rừng cũng chỉ ký với hộ bà Hà Thị C từ năm 1999 đến năm 2002, từ năm 2003 (sau khi rừng đã bị cháy

toàn bộ) đến thời điểm thu hồi đất (năm 2018), Ban quản lý dự án 327 không tiếp tục ký hợp đồng giao khoán trồng và bảo vệ rừng với bà C. Vì vậy, bà C không có nghĩa vụ phải tiếp tục sử dụng đất vào mục đích trồng rừng theo những hợp đồng đã ký kết trước đó. Trên thực tế, từ năm 2003, bà C vẫn tiếp tục sử dụng đất ổn định và trồng các loại cây hàng năm trên đất.

Hơn nữa, theo ý kiến của UBND huyện P khu vực đất của bà C chưa có trong sổ mục kê, chưa có trong bản đồ địa chính và chưa có quyết định cấp đất lâm nghiệp riêng cho hộ bà C. Do đó, không có căn cứ để xác định loại đất của hộ bà C sử dụng là đất rừng sản xuất.

Như vậy, diện tích đất của hộ bà C chưa được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ, không có các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật đất đai, không có Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bà C sử dụng đất ổn định, từ năm 2003 đến thời điểm thu hồi đất, do đó, cần xác định loại đất thu hồi của hộ bà Hà Thị C theo hiện trạng sử dụng đất như quy định tại Điều 11, Luật đất đai 2013; Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Theo biên bản kiểm kê số lượng đất đai, tài sản, hoa màu trên đất của hộ bà C được Hội đồng bồi thường lập ngày 05/3/2018 thì hiện trạng sử dụng đất của hộ bà C là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí 1. Vì vậy, cần xác định loại đất của hộ bà Hà Thị C bị thu hồi là đất trồng cây hàng năm.

[2.3.2] Xác định người bị thu hồi đất

Theo lời trình bày của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong tổng số 18.973,59 m² đất của bà C bị thu hồi có 3.500 m² đất là của bà M, con gái bà C sử dụng ổn định từ năm 2003, đã xây dựng nhà, các công trình và trồng cây trên đất.

Tại biên bản lấy ý kiến trực tiếp về dự thảo phương án bồi thường ngày 17/7/2018, bà C và bà M đã có ý kiến với Hội đồng bồi thường về việc một phần đất bị thu hồi của bà C là đất của bà M. Nhưng UBND huyện P và Hội đồng bồi thường không trả lời đối với ý kiến đề nghị của bà C và bà M, không tiến hành xác minh để xác định chính xác người thực tế sử dụng đất mà vẫn tiếp tục ban hành Quyết định thu hồi đất số 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 đối với hộ bà Hà Thị C.

Tại biên bản làm việc 31/8/2018, tổ trưởng tổ dân phố số 2B xác định các hộ dân tại tổ dân phố 2A, 2B đều xác nhận việc bà M sử dụng đất và xây dựng các công trình trên đất, đề nghị Hội đồng bồi thường cho bà Mai theo đúng quy định.

Do vậy, việc UBND huyện P ban hành Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích 18.973,59 m² đất mang tên người bị thu hồi đất là bà C là chưa đủ căn cứ.

Từ những phân tích trên xét thấy, Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hà Thị C được

ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự nhưng không đúng về mặt nội dung. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

[2.3] Xét quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P

Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 17 hộ, trong đó có hộ bà C.

Trong bản phương án bồi thường chi tiết của hộ bà C kèm theo quyết định, UBND huyện P đã tính đơn giá bồi thường về đất cho hộ bà C là đất rừng sản xuất với giá 25.000 đồng/m² và xác định toàn bộ diện tích 18.974 m² đất đều là thu hồi của hộ bà C.

Như đã phân tích ở mục 2.2, việc UBND huyện P xác định loại đất của hộ bà C là đất rừng sản xuất là không đúng, xác định toàn bộ diện tích đất thu hồi là của hộ bà C là không đủ căn cứ. Vì vậy, kéo theo Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P cũng không đúng về mặt nội dung. Xét thấy, người khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy một phần Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P đối với phần phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà Hà Thị C mới đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện.

[3] Về án phí: Yêu cầu của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị C.

- Hủy Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hà Thị C;

- Hủy một phần Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND huyện P đối với phần phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà Hà Thị C.

- Buộc UBND huyện P phải ban hành lại Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Hà Thị C trong đó xác định lại loại đất bị thu hồi và diện tích thực tế mà hộ bà C đang sử dụng.

2. Về án phí: Người khởi kiện bà Hà Thị C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Hà Thị C số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0000324 ngày 08/10/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Người bị kiện UBND huyện P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKS tỉnh (2);
- Đương sự;
- Cục THADS;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Chí Thiện